

Pham Huu  
Ha

Digitally signed by Pham Huu Ha  
DN: CN=Pham Huu Ha  
Reason: I am the author of this  
document  
Location:  
Date: 2019-07-02 10:53:17

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG**

AL ★ M.S.C.

## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2019	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019	13 - 39

\*\*\*\*\*



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

**Khái quát về Công ty**

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800408245, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 21 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh, tăng vốn điều lệ, thay đổi người đại diện theo pháp luật.

**Trụ sở chính**

- Địa chỉ : Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
- Điện thoại : 02633 520 290
- Fax : 02633 825 291

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Chế biến rượu các loại, nhân điều xuất khẩu và các loại nông sản thực phẩm;
- Kinh doanh dịch vụ thương mại, đầu tư tài chính;
- Trồng và sản xuất các loại cây nông sản.
- Kinh doanh thiết bị máy móc chuyên dùng để chế biến thực phẩm và sản phẩm của doanh nghiệp;
- Điều hành tua du lịch;
- Đại lý du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Đỗ Thành Trung	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2016
Ông Nghiêm Văn Thắng	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2016
Bà Doãn Thị Thu Hương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Văn Việt	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2016
Ông Milan Novosad	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Hữu Thụy	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2018

04A98  
CHI N  
ÔNG T  
M TOÀN  
A S  
ai NHA  
TRANG

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG**  
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Phạm Thu Hiền	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017
Ông Trần Việt Thắng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Anh Xuân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2016

**Ban điều hành, quản lý**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Đỗ Thành Trung	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Hữu Thụy	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2018
Bà Phan Thị Cúc Hương	Giám đốc tài chính	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2017
Ông Phan Anh Tú	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2017

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đỗ Thành Trung	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Hữu Thụy	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2018

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 của Tập đoàn.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG**  
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

---

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



**Đỗ Thành Trung**  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 6 năm 2019

11-C...  
H  
:HH  
U VÁN  
NG  
IANH...

Số: 3.0166/19/TC-AC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 27 tháng 5 năm 2019, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 3 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Nha Trang



Phan Thị Ngọc Trâm - Phó Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0979-2018-008-1

Nha Trang, ngày 29 tháng 6 năm 2019

Nguyễn Thị Lê Vy - Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2195-2018-008-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>163.989.190.006</b>	<b>206.773.461.242</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>13.423.229.679</b>	<b>36.137.005.714</b>
1. Tiền	111		8.423.229.679	26.137.005.714
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	10.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>44.515.267.831</b>	<b>41.098.969.313</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	26.156.940.876	24.749.068.496
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3a	17.711.943.758	15.765.431.053
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	646.383.197	584.469.764
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.5</b>	<b>104.311.131.227</b>	<b>128.155.302.656</b>
1. Hàng tồn kho	141		105.535.854.982	128.155.302.656
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.224.723.755)	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.739.561.269</b>	<b>1.382.183.559</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	144.169.512	43.839.182
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		181.492.116	1.260.376.318
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	1.413.899.641	77.968.059
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>64.103.317.904</b>	<b>56.540.705.229</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>181.500.000</b>	<b>183.050.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.3b	120.000.000	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	61.500.000	183.050.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>40.306.638.246</b>	<b>40.408.920.817</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	40.239.952.829	40.296.465.817
- Nguyên giá	222		102.455.497.113	98.212.288.028
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(62.215.544.284)	(57.915.822.211)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	66.685.417	112.455.000
- Nguyên giá	228		314.162.500	281.137.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(247.477.083)	(168.682.500)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>19.533.731.350</b>	<b>14.409.351.796</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	19.533.731.350	14.409.351.796
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.081.448.308</b>	<b>1.539.382.616</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	4.081.448.308	1.539.382.616
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.10	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>228.092.507.910</b>	<b>263.314.166.471</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>37.781.022.152</b>	<b>75.031.833.152</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>36.294.032.823</b>	<b>74.266.833.152</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	5.786.407.201	4.420.636.215
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	11.296.973.733	595.676.053
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	5.051.112.753	5.662.603.410
4. Phải trả người lao động	314	V.14	3.113.992.747	5.844.231.772
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	310.863.717	11.240.409
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	580.327.954	608.935.662
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a,c	9.832.870.750	56.776.925.663
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	321.483.968	346.583.968
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.486.989.329</b>	<b>765.000.000</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b,c	845.000.000	765.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.19	641.989.329	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>190.311.485.758</b>	<b>188.282.333.319</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>190.311.485.758</b>	<b>188.282.333.319</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	146.571.500.000	146.571.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>146.571.500.000</i>	<i>146.571.500.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>411b</i>		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	9.933.986.561	9.933.986.561
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	33.805.999.197	31.776.846.758
- <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>17.119.696.758</i>	<i>31.776.846.758</i>
- <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>16.686.302.439</i>	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>228.092.507.910</b>	<b>263.314.166.471</b>

Lâm Đồng, ngày 27 tháng 5 năm 2019

  
 Phan Anh Tú  
 Người lập

  
 Phan Anh Tú  
 Kế toán trưởng



  
 Đỗ Thành Trung  
 Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	463.810.838.495	624.546.268.466
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	4.596.274.850	7.668.208.640
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		459.214.563.645	616.878.059.826
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	426.156.822.185	565.511.288.020
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		33.057.741.460	51.366.771.806
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	554.712.466	1.290.746.676
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	1.317.940.339	2.422.200.257
Trong đó: chi phí lãi vay	23		629.712.234	1.845.233.977
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	5.027.028.745	6.017.913.397
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	6.024.542.776	14.390.050.119
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		21.242.942.066	29.827.354.709
12. Thu nhập khác	31	VI.8	2.327.446.980	437.063.394
13. Chi phí khác	32	VI.9	1.399.066.424	955.872.502
14. Lợi nhuận khác	40		928.380.556	(518.809.108)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		22.171.322.622	29.308.545.601
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	4.843.030.854	5.761.037.592
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	641.989.329	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>16.686.302.439</u>	<u>23.547.508.009</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>16.686.302.439</u>	<u>23.547.508.009</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	1.138	1.607
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	1.138	1.607

-001-  
 NH  
 TNHH  
 TƯ V  
 C  
 LANG  
 KHÁNH



Lâm Đồng, ngày 27 tháng 5 năm 2019

*[Signature]*

Phan Anh Tú  
Người lập

*[Signature]*

Phan Anh Tú  
Kế toán trưởng

*[Signature]*

Đỗ Thành Trung  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		22.171.322.622	29.308.545.601
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	VII.1	6.031.977.435	5.986.500.444
- Các khoản dự phòng	03	V.5	1.224.723.755	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, VI.8	(2.191.077.256)	(307.893.783)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	629.712.234	1.845.233.977
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		27.866.658.790	36.832.386.239
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.930.215.457)	62.371.654.822
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.5	22.619.447.674	(36.790.012.832)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		8.838.177.549	(41.049.816.487)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	V.6a,b	(2.642.396.022)	(66.941.848)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	VI.5	(629.712.234)	(1.845.233.977)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(4.963.557.129)	(5.017.470.636)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18	(25.100.000)	(97.224.600)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>47.133.303.171</b>	<b>14.337.340.681</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(12.349.874.708)	(4.570.151.263)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		3.823.413.505	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.4	178.886.780	307.893.783
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(8.347.574.423)</b>	<b>(4.262.257.480)</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17a,b	120.062.043.541	325.854.864.816
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17a	(166.926.098.454)	(299.174.161.501)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.16, 20	(14.635.449.870)	(14.657.150.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<u><i>(61.499.504.783)</i></u>	<u><i>12.023.553.315</i></u>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(22.713.776.035)</b>	<b>22.098.636.516</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>36.137.005.714</b>	<b>14.038.369.198</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<u><b>13.423.229.679</b></u>	<u><b>36.137.005.714</b></u>

Lâm Đồng, ngày 27 tháng 5 năm 2019

Phan Anh Tú  
Người lập

Phan Anh Tú  
Kế toán trưởng



Đỗ Thành Trung  
Tổng Giám đốc

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại, dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Chế biến rượu các loại, nhân điều xuất khẩu và các loại nông sản thực phẩm;
- Kinh doanh dịch vụ thương mại, đầu tư tài chính;
- Trồng và sản xuất các loại cây nông sản.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Doanh thu và lợi nhuận của Tập đoàn giảm mạnh so với năm trước do ảnh hưởng giá điều nhân giảm mạnh.

#### 6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 03 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

##### 6a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

##### 6b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Chế biến Điều xuất khẩu Lâm Đồng	Tổ dân phố số 2, thị trấn Ma Đa Guôi, huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng	Chế biến điều xuất khẩu	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Ladofoods	Số 204 đường 3 tháng 2, Phường 12, Quận 10, Tp.Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại	100%	100%	100%
Công ty TNHH Ladora Farm Ninh Thuận	Thôn Phú Thuận, xã Mỹ Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận	Trồng nho	100%	100%	100%

#### 7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

#### **8. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 235 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 244 nhân viên).

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Trong những năm trước, năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 Tập đoàn đã thay đổi năm tài chính như sau:

- Năm tài chính đầu tiên sau ngày thay đổi: bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2018.
- Năm tài chính tiếp theo: bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 và kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm sau.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### 3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Lâm Đồng (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Lâm Đồng (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

#### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3AA  
CHI  
NG  
TO  
A  
INH  
ANG

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là chi phí chuẩn bị mặt bằng cho dự án trồng nho, chi phí thiết kế nhãn hàng, chi phí công cụ dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### *Chi phí chuẩn bị mặt bằng cho dự án trồng nho*

Chi phí chuẩn bị mặt bằng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê đất.

##### *Chi phí thiết kế nhãn hàng*

Chi phí thiết kế nhãn hàng được phân bổ vào chi phí theo số lượng sản phẩm sản xuất.

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

#### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
Tài sản cố định khác	10

#### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn chỉ gồm:

#### ***Chương trình phần mềm máy tính***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

#### **10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### **11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### **12. Vốn chủ sở hữu**

##### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### 15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

201-  
IH  
NH  
TƯ V  
NG  
HÀNG



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

### 16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

#### 21. Công cụ tài chính

##### *Tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### **Nợ phải trả tài chính**

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

#### **Công cụ vốn chủ sở hữu**

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### **Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	235.617.503	237.558.300
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.187.612.176	25.899.447.414
Các khoản tương đương tiền ( <i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i> )	5.000.000.000	10.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>13.423.229.679</u></b>	<b><u>36.137.005.714</u></b>

### 2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b><u>26.156.940.876</u></b>	<b><u>24.749.068.496</u></b>
Công ty TNHH MTV Ladofoods	19.233.459.016	10.828.202.350
Red River Foods Inc	6.301.022.000	-
Công ty TNHH W.E.I Việt Nam	-	8.308.777.151
Barrowlane and Ballard Ltd	-	3.736.617.500
Các khách hàng khác	622.459.860	1.875.471.495
<b>Cộng</b>	<b><u>26.156.940.876</u></b>	<b><u>24.749.068.496</u></b>

### 3. Trả trước cho người bán ngắn hạn/dài hạn

#### 3a. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Trả trước cho các người bán khác</b>	<b><u>17.711.943.758</u></b>	<b><u>15.765.431.053</u></b>
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Việt Phát	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Việt Phúc	4.999.328.000	3.792.629.007
Royal Nuts Pte Ltd	3.621.120.750	-
Công ty TNHH Xây dựng và Môi trường Bảo Minh	1.742.250.000	-
Quang Thiện Imex S.A	-	2.842.191.000
Các khách hàng khác	2.349.245.008	4.130.611.046
<b>Cộng</b>	<b><u>17.711.943.758</u></b>	<b><u>15.765.431.053</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****3b. Trả trước cho người bán dài hạn**

Số cuối năm là khoản trả trước cho ông Hồ Văn Vàng để mua nho nguyên liệu.

**4. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác****4a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>646.383.197</b>	-	<b>584.469.764</b>	-
Các khoản ký cược, ký quỹ	11.500.000	-	11.500.000	-
Tạm ứng	564.372.048	-	444.570.126	-
Phải thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	56.063.187	-	59.011.345	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	14.447.962	-	69.388.293	-
<b>Cộng</b>	<b>646.383.197</b>	-	<b>584.469.764</b>	-

**4b. Phải thu dài hạn khác**

Khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

**5. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	47.964.564.319	-	49.851.799.638	-
Công cụ, dụng cụ	1.454.328.631	-	1.156.522.240	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	8.522.969.036	-	15.354.203.660	-
Thành phẩm	36.957.644.353	(1.224.723.755)	50.630.511.224	-
Hàng hóa	2.144.062.286	-	1.971.735.901	-
Hàng hóa gửi bán	8.492.286.357	-	9.190.529.993	-
<b>Cộng</b>	<b>105.535.854.982</b>	<b>(1.224.723.755)</b>	<b>128.155.302.656</b>	-

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng bổ sung	1.224.723.755	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.224.723.755</b>	-

**6. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****6a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê văn phòng	30.000.000	-
Chi phí quảng cáo	52.066.666	-
Chi phí bảo hiểm	9.592.877	6.513.726
Công cụ dụng cụ	9.509.470	33.325.456
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	43.000.499	4.000.000
<b>Cộng</b>	<b>144.169.512</b>	<b>43.839.182</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 6b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí chuẩn bị mặt bằng dự án trồng nho	3.296.584.000	-
Chi phí thiết kế nhãn Sangria	351.153.600	407.069.040
Công cụ dụng cụ	154.125.377	352.477.538
Tiền thuê đất	-	304.038.033
Chi phí sửa chữa tài sản	159.917.416	260.847.374
Các chi phí trả trước dài hạn khác	119.667.915	214.950.631
<b>Cộng</b>	<b><u>4.081.448.308</u></b>	<b><u>1.539.382.616</u></b>

#### 7. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	35.321.909.909	56.005.057.199	4.852.517.182	780.494.000	1.252.309.738	98.212.288.028
Mua trong năm	1.158.110.806	2.152.805.216	-	-	-	3.310.916.022
Đầu tư xây dựng hoàn thành	1.687.797.553	328.759.722	-	-	-	2.016.557.275
Phân loại lại	322.058.181	(851.784.943)	-	-	529.726.762	-
Điều chỉnh tăng tương ứng thuế GTGT đầu vào	83.569.728	584.967.733	-	-	178.125.355	846.662.816
Nhượng bán	(1.930.927.028)	-	-	-	-	(1.930.927.028)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>36.642.519.149</u></b>	<b><u>58.219.804.927</u></b>	<b><u>4.852.517.182</u></b>	<b><u>780.494.000</u></b>	<b><u>1.960.161.855</u></b>	<b><u>102.455.497.113</u></b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	12.040.070.892	20.067.906.836	3.314.605.727	148.281.000	-	35.570.864.455
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	19.072.108.096	34.580.134.224	3.812.166.615	275.002.069	176.411.207	57.915.822.211
Phân loại lại và điều chỉnh khấu hao các năm trước	(13.931.567)	(432.830.171)	-	-	54.640.805	(392.120.933)
Khấu hao trong năm	1.791.865.991	4.405.546.423	215.536.443	78.407.887	130.677.457	6.622.034.201
Điều chỉnh khác	-	735.833	-	-	-	735.833
Nhượng bán	(1.930.927.028)	-	-	-	-	(1.930.927.028)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>18.919.115.492</u></b>	<b><u>38.553.586.309</u></b>	<b><u>4.027.703.058</u></b>	<b><u>353.409.956</u></b>	<b><u>361.729.469</u></b>	<b><u>62.215.544.284</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	16.249.801.813	21.424.922.975	1.040.350.567	505.491.931	1.075.898.531	40.296.465.817
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>17.723.403.657</u></b>	<b><u>19.666.218.618</u></b>	<b><u>824.814.124</u></b>	<b><u>427.084.044</u></b>	<b><u>1.598.432.386</u></b>	<b><u>40.239.952.829</u></b>
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Toàn bộ tài sản cố định hữu hình của Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng và Công ty TNHH Chế biến Điều xuất khẩu Lâm Đồng bao gồm văn phòng, nhà xưởng, vật kiến trúc, dây chuyền, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và tài sản dùng để sản xuất kinh doanh theo danh mục tài sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 là 27.445.528.775 VND đã được thế chấp để đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – Chi nhánh Lâm Đồng (xem thuyết minh số V.17a).

#### 8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	281.137.500	168.682.500	112.455.000
Đầu tư xây dựng hoàn thành	33.025.000		
Khấu hao trong năm		78.794.583	
<b>Số cuối năm</b>	<b>314.162.500</b>	<b>247.477.083</b>	<b>66.685.417</b>

#### 9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển TSCĐ trong năm	Thanh lý	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	34.639.960	174.507.274	(176.458.995)	-	(1.614.960)	31.073.279
Xây dựng cơ bản dở dang	14.374.711.836	12.622.357.382	(1.873.123.280)	(2.324.703.867)	(3.296.584.000)	19.502.658.071
- Dự án trồng nho	14.224.758.881	3.405.518.379	-	(2.324.703.867)	(3.296.584.000)	12.008.989.393
- Dự án Hầm rượu vang Ladora Winery và các công trình phụ trợ	102.090.910	7.606.603.495	(215.025.727)	-	-	7.493.668.678
- Các công trình khác	47.862.045	1.610.235.508	(1.658.097.553)	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>14.409.351.796</b>	<b>12.796.864.656</b>	<b>(2.049.582.275)</b>	<b>(2.324.703.867)</b>	<b>(3.298.198.960)</b>	<b>19.533.731.350</b>

#### 10. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

##### Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế tại Công ty TNHH Chế biến Điều xuất khẩu Lâm Đồng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 với số tiền là 4.691.496.274 VND.

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

#### 11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>5.786.407.201</b>	<b>4.420.636.215</b>
Doanh nghiệp Tư nhân Thư Cảnh	2.433.821.060	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Minh Đức Tháp Chàm	250.000.000	454.597.000
Ông Trương Văn Xin	200.000.000	485.090.000
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công chi nhánh Miền Trung	-	702.182.810
Các nhà cung cấp khác	2.902.586.141	2.778.766.405
<b>Cộng</b>	<b>5.786.407.201</b>	<b>4.420.636.215</b>

JOAA  
CHI  
ÔNG  
M TO  
A  
Tại N  
FRAN



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

#### 12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của khách hàng khác</i>	<i>11.296.973.733</i>	<i>595.676.053</i>
Công ty TNHH W.E.I Việt Nam	11.211.643.206	-
Doanh nghiệp tư nhân Hasa	-	513.480.838
Các khách hàng khác	<u>85.330.527</u>	<u>82.195.215</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>11.296.973.733</u></b>	<b><u>595.676.053</u></b>

#### 13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	835.852.827	-	8.185.162.734	(8.913.565.405)	581.260.663	473.810.507
Thuế tiêu thụ đặc biệt	3.080.615.625	-	33.014.367.699	(34.220.309.528)	1.874.673.796	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.459.019.818	-	4.843.030.854	(4.963.557.129)	2.149.504.301	811.010.758
Thuế thu nhập cá nhân	148.306.640	77.968.059	454.176.773	(488.644.019)	70.329.711	34.458.376
Thuế tài nguyên	-	-	11.676.115	(9.072.115)	2.604.000	-
Tiền thuế đất <sup>(i)</sup>	138.808.500	-	414.690.600	(277.617.000)	370.502.100	94.620.000
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	4.085.841	(4.085.841)	-	-
Thuế môn bài	-	-	10.000.000	(9.000.000)	1.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	1.238.182	-	1.238.182	-
<b>Cộng</b>	<b><u>5.662.603.410</u></b>	<b><u>77.968.059</u></b>	<b><u>46.937.190.616</u></b>	<b><u>(48.885.851.037)</u></b>	<b><u>5.051.112.753</u></b>	<b><u>1.413.899.641</u></b>

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

- Hàng xuất khẩu 0 %
- Hạt điều, rượu, dịch vụ 10 %

#### *Thuế tiêu thụ đặc biệt*

Tập đoàn phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho hoạt động kinh doanh rượu dưới 20 độ với thuế suất 35%.

#### *Thuế xuất, nhập khẩu*

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%. Đối với hoạt động trồng nho tại Ninh Thuận: Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 2565 ngày 26 tháng 10 năm 2016 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận cấp, Công ty TNHH Ladora Farm Ninh Thuận nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động trồng và cung cấp nguyên liệu nho rượu với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 4 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Dự án trồng nho chưa đi vào hoạt động, chưa có thu nhập từ dự án nên chưa hưởng ưu đãi.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### **Tiền thuê đất**

Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng như sau:

<u>Vị trí đất</u>	<u>Diện tích (m<sup>2</sup>)</u>
- Số 31, 32 Ngô Văn Sở, Phường 9	8.593,00
- Lô 2, 4, 6 điểm Công nghiệp Phát Chi – Xuân Trường	19.258,90
- Xã Trạm Hành	30.220,80
- Quốc lộ 20 Thị trấn Madaguôi - Đoạn từ cổng trạm biến thế đến km 84 - Đất sản xuất kinh doanh	18.096,00
- Thôn Lương Cang 2, xã Nhơn Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận	169.856

Công ty TNHH Ladora Farm Ninh Thuận được miễn tiền thuê đất tại thôn Lương Cang 2, xã Nhơn Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận từ tháng 11/2017 đến tháng 12 năm 2021 với tổng số tiền thuê được miễn là 70.773.333 VND theo quyết định số 19/QĐ-CT ngày 05/01/2018 của Cục thuế tỉnh Ninh Thuận.

(i) Tiền thuê đất phải nộp trong năm bao gồm:

	<u>Số tiền</u>
Tiền thuê đất phải nộp năm nay	509.310.600
Điều chỉnh tiền thuê đất phải nộp của năm 2017 theo thông báo của Cơ quan thuế	(94.620.000)
<b>Số còn phải nộp</b>	<b><u>414.690.600</u></b>

#### **Các loại thuế khác**

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

#### **14. Phải trả người lao động**

Quý tiền lương còn phải trả người lao động.

#### **15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

Các chi phí phải trả ngắn hạn khác

#### **16. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>580.327.954</b>	<b>608.935.662</b>
Kinh phí công đoàn	237.471.959	200.886.991
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	5.268.165
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	28.720.820	7.020.690
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	314.135.175	395.759.816
<b>Cộng</b>	<b><u>580.327.954</u></b>	<b><u>608.935.662</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

#### 17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

##### 17a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>9.832.870.750</b>	<b>56.776.925.663</b>
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng <sup>(i)</sup>	9.412.870.750	56.381.925.663
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b)	420.000.000	395.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>9.832.870.750</u></b>	<b><u>56.776.925.663</u></b>

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- <sup>(i)</sup> Số dư cuối năm là khoản vay giữa Công ty TNHH Chế biến Điều xuất khẩu Lâm Đồng và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Lâm Đồng theo hợp đồng cấp tín dụng số 035B/TDN/18LC năm 2018 và hợp đồng cho vay hạn mức số 035A/TND/18LD năm 2018, mục đích vay để bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hạt điều và các hoạt động kinh doanh khác; và phát hành thư tín dụng, hạn mức vay 150 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng. Lãi suất tiền vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ.

Hợp đồng vay được đảm bảo thanh toán bằng thế chấp toàn bộ tài sản cố định hữu hình của Công ty TNHH Chế biến Điều xuất khẩu Lâm Đồng bao gồm văn phòng, nhà xưởng, vật kiến trúc, dây chuyền, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và tài sản dùng để sản xuất kinh doanh (được xác định theo giá trị và danh mục tài sản tại sổ sách báo cáo tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 là 3.185.000.181 VND - xem thuyết minh số V.7); và các quyền, tiền thu được khác ... được mô tả chi tiết tại Hợp đồng thế chấp số 035/TDN/18TC năm 2018.

Ngoài ra trong năm Tập đoàn còn vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – Chi nhánh Lâm Đồng theo hợp đồng cấp tín dụng số 0034/TDN/18LD ngày 28 tháng 5 năm 2018 kèm hợp đồng cho vay hạn mức số 0034A/TDN/18LD ngày 28 tháng 5 năm 2018 và hợp đồng phát hành thư tín dụng theo hạn mức ngày 28 tháng 5 năm 2018. Hạn mức vay là 30.000.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất tiền vay trong năm là 6,5%/năm. Hợp đồng vay này được đảm bảo thanh toán bằng thế chấp toàn bộ tài sản cố định hữu hình của Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng, bao gồm văn phòng, nhà xưởng, vật kiến trúc, dây chuyền, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và tài sản dùng để sản xuất kinh doanh (được xác định theo giá trị và danh mục tài sản tại sổ sách báo cáo tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 là 24.260.528.594 VND - xem thuyết minh số V.7); và các quyền, tiền thu được khác... được mô tả chi tiết tại Hợp đồng thế chấp số 0034/TDN/18C ngày 28 tháng 5 năm 2018.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>
Số đầu năm	56.776.925.663
Số tiền vay phát sinh trong năm	119.562.043.541
Kết chuyển từ vay dài hạn	420.000.000
Số tiền vay đã trả trong năm	<u>(166.926.098.454)</u>
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>9.832.870.750</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 17b. Vay dài hạn

Khoản vay dài hạn Trung Tâm Khuyến Công tỉnh Lâm Đồng theo hợp đồng hỗ trợ và thu hồi kinh phí khuyến công. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo và không có lãi suất.

Tập đoàn có khả năng trả được khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống (xem thuyết minh số V.17a)	420.000.000	395.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	845.000.000	765.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.265.000.000</b>	<b>1.160.000.000</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>
Số đầu năm	765.000.000
Số tiền vay phát sinh trong năm	500.000.000
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	(420.000.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>845.000.000</b>

#### 17c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

#### 18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	184.972.767	-	184.972.767
Quỹ phúc lợi	161.611.201	(25.100.000)	136.511.201
<b>Cộng</b>	<b>346.583.968</b>	<b>(25.100.000)</b>	<b>321.483.968</b>

#### 19. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến khoản loại trừ khoản dự phòng trong nội bộ Tập đoàn. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	-	-
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	641.989.329	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>641.989.329</b>	<b>-</b>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20%.

#### 20. Vốn chủ sở hữu

##### 20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	146.571.500.000	9.933.986.561	22.886.488.749	179.391.975.310
Cổ tức năm 2016 phải trả	-	-	(14.657.150.000)	(14.657.150.000)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	23.547.508.009	23.547.508.009
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>146.571.500.000</b>	<b>9.933.986.561</b>	<b>31.776.846.758</b>	<b>188.282.333.319</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm nay	146.571.500.000	9.933.986.561	31.776.846.758	188.282.333.319
Cổ tức năm 2017 phải trả	-	-	(14.657.150.000)	(14.657.150.000)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	16.686.302.439	16.686.302.439
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>146.571.500.000</b>	<b>9.933.986.561</b>	<b>33.805.999.197</b>	<b>190.311.485.758</b>

### 20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Elmich	74.752.820.000	74.752.820.000
Công ty Cổ phần GTNFoods	51.300.960.000	51.300.960.000
Các cổ đông khác	20.517.720.000	20.517.720.000
<b>Cộng</b>	<b>146.571.500.000</b>	<b>146.571.500.000</b>

Công ty đã góp đủ vốn điều lệ đăng ký là 146.571.500.000 VND.

### 20c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.657.150	14.657.150
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	14.657.150	14.657.150
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.657.150	14.657.150

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

### 20d. Phân phối lợi nhuận

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 28 tháng 4 năm 2018 của Công ty đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2017 với mức 1.000 đồng/cổ phiếu, tương ứng 14.657.150.000 VND.

## 21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

### Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, ngoại tệ các loại chi có tiền ngoại tệ là 147.712,70 USD (số đầu năm là 648.483,77 USD).

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	14.670.943.000	94.218.563.280
Doanh thu bán thành phẩm	421.569.507.356	515.072.019.370
Doanh thu cung cấp dịch vụ	27.570.388.139	15.255.685.816
<b>Cộng</b>	<b>463.810.838.495</b>	<b>624.546.268.466</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Elmich</i>	<i>211.004.953</i>	<i>9.104.537</i>
Doanh thu bán thành phẩm	211.004.953	9.104.537
<i>Công ty Cổ phần Biocont Việt Nam</i>	<i>78.685.089</i>	<i>65.454.546</i>
Doanh thu cho thuê mặt bằng	70.745.455	65.454.546
Doanh thu bán thành phẩm	7.939.634	-

#### 2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại phát sinh trong năm.

#### 3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	14.526.650.185	88.459.932.000
Giá vốn của thành phẩm đã bán	400.039.868.376	467.972.064.462
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	11.590.303.624	9.079.291.558
<b>Cộng</b>	<b><u>426.156.822.185</u></b>	<b><u>565.511.288.020</u></b>

#### 4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	178.886.780	307.893.783
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	375.825.686	806.496.724
Lãi phạt khách hàng vi phạm	-	176.356.169
<b>Cộng</b>	<b><u>554.712.466</u></b>	<b><u>1.290.746.676</u></b>

#### 5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	629.712.234	1.845.233.977
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	622.050.943	159.501.493
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	64.753.057	415.919.485
Chi phí tài chính khác	1.424.105	1.545.302
<b>Cộng</b>	<b><u>1.317.940.339</u></b>	<b><u>2.422.200.257</u></b>

#### 6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	220.779.141	273.794.935
Chi phí vật liệu, bao bì	2.199.101.179	2.108.359.430
Chi phí khấu hao tài sản cố định	382.935.255	426.491.920
Chi phí mua ngoài	884.482.048	982.952.526
Chi phí khuyến mại	574.014.989	1.442.027.771
Các chi phí khác	765.716.133	784.286.815
<b>Cộng</b>	<b><u>5.027.028.745</u></b>	<b><u>6.017.913.397</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	3.517.369.479	6.555.874.494
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	140.519.560	55.420.414
Chi phí khấu hao tài sản cố định	134.590.363	140.563.056
Chi phí dịch vụ mua ngoài	424.095.204	1.134.291.320
Các chi phí khác	1.807.968.170	6.503.900.835
<b>Cộng</b>	<b><u>6.024.542.776</u></b>	<b><u>14.390.050.119</u></b>

#### 8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.012.190.476	141.818.182
Thu tiền cho thuê nhà, cho thuê kho	193.472.725	147.272.726
Tiền bồi thường	68.532.636	49.622.833
Thu nhập khác	53.251.143	98.349.653
<b>Cộng</b>	<b><u>2.327.446.980</u></b>	<b><u>437.063.394</u></b>

#### 9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phạt do vi phạm hợp đồng	880.143.385	-
Các khoản phạt vi phạm, truy thu thuế	323.139.667	477.766.968
Xử lý công nợ	27.917.355	395.050.430
Chi phí khác	167.866.017	83.055.104
<b>Cộng</b>	<b><u>1.399.066.424</u></b>	<b><u>955.872.502</u></b>

#### 10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	641.989.329	-
<b>Cộng</b>	<b><u>641.989.329</u></b>	<b><u>-</u></b>

#### 11. Lãi trên cổ phiếu

##### 11.a Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16.686.302.439	23.547.508.009
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	16.686.302.439	23.547.508.009
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	14.657.150	14.657.150
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b><u>1.138</u></b>	<b><u>1.607</u></b>

##### 11.b Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	342.904.435.869	454.215.153.228
Chi phí nhân công	24.241.789.977	28.926.696.292
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.031.977.435	5.986.500.444
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.836.973.845	12.290.357.032
Chi phí khác	14.714.596.950	16.615.946.955
<b>Cộng</b>	<b><u>400.729.774.076</u></b>	<b><u>518.034.653.951</u></b>

#### VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

##### 1. Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	6.230.649.101	7.202.451.407
Khấu hao tài sản cố định vô hình	78.794.583	168.682.500
Loại trừ khấu hao tài sản cố định ghi nhận trực tiếp vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang	(277.466.249)	(1.384.633.463)
<b>Cộng</b>	<b><u>6.031.977.435</u></b>	<b><u>5.986.500.444</u></b>

#### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

##### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

##### 1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty mượn tiền (không tính lãi)	5.000.000.000	-
Công ty hoàn trả tiền mượn	5.000.000.000	-

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### *Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương và phụ cấp với tổng thu nhập trong năm nay là 1.548.560.000 VND (trong năm trước là 1.215.843.462 VND).

#### **1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<b>Bên liên quan khác</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Elmich	Cổ đông sở hữu 51% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần GTNFoods	Cổ đông sở hữu 35% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Biocont Việt Nam	Công ty con của Công ty Cổ phần Elmich

#### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn không có giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan khác.

#### *Công nợ với các bên liên quan khác*

Tập đoàn không có công nợ với các bên liên quan khác.

#### **2. Thông tin về bộ phận**

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác.

#### **2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh**

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Trồng nho nguyên liệu và sản xuất, mua bán rượu
- Lĩnh vực 2: Sản xuất, kinh doanh điều

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	<b>Lĩnh vực trồng nho và sản xuất, mua bán rượu</b>	<b>Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh điều</b>	<b>Cộng</b>
<b>Năm nay</b>			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	127.717.899.744	331.496.663.901	459.214.563.645
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>127.717.899.744</b>	<b>331.496.663.901</b>	<b>459.214.563.645</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	27.538.774.880	(5.552.404.941)	22.006.169.939
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			22.006.169.939
Doanh thu hoạt động tài chính			554.712.466
Chi phí tài chính			(1.317.940.339)
Thu nhập khác			2.327.446.980
Chi phí khác			(1.399.066.424)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(4.843.030.854)

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ: Số 31 Ngõ Văn Sờ, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<b>Lĩnh vực trồng nho và sản xuất, mua bán rượu</b>	<b>Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh điều</b>	<b>Cộng</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(641.989.329)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>16.686.302.439</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>13.814.357.802</b>	<b>1.742.742.875</b>	<b>15.557.100.677</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>5.846.093.983</b>	<b>1.387.063.884</b>	<b>7.233.157.867</b>
<b>Năm trước</b>			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	121.814.622.974	495.063.436.852	616.878.059.826
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>121.814.622.974</b>	<b>495.063.436.852</b>	<b>616.878.059.826</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	18.822.856.546	12.135.951.744	30.958.808.290
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			30.958.808.290
Doanh thu hoạt động tài chính			1.290.746.676
Chi phí tài chính			(2.422.200.257)
Thu nhập khác			437.063.394
Chi phí khác			(955.872.502)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(5.761.037.592)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>23.547.508.009</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>15.473.184.311</b>	<b>1.630.552.810</b>	<b>17.103.737.121</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>3.840.689.437</b>	<b>1.397.257.400</b>	<b>5.237.946.837</b>

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	<b>Lĩnh vực trồng nho và sản xuất, mua bán rượu</b>	<b>Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh điều</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối năm</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	254.671.251.215	78.283.800.669	228.092.507.910
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			-
<b>Tổng tài sản</b>			<b>228.092.507.910</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngõ Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lĩnh vực trồng nho và sản xuất, mua bán rượu	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh điều	Cộng
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	50.930.886.644	66.493.747.316	37.781.022.152
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			-
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>37.781.022.152</b>
<b>Số đầu năm</b>	55.836.500.289	67.062.859.836	62.458.408.278
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	-	-
Tài sản phân bổ cho bộ phận			-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			62.458.408.278
<b>Tổng tài sản</b>			<b>62.458.408.278</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	232.345.808.879	116.287.653.441	263.314.166.471
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			-
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>263.314.166.471</b>

#### 2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

#### 3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

#### 3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

##### Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Tập đoàn có rủi ro tín dụng tập trung liên quan đến Công ty TNHH MTV Ladofoods, Red River Foods Inc với số dư nợ tại ngày kết thúc năm tài chính chiếm lần lượt 74% và 24% tổng số dư nợ phải thu (số đầu năm chiếm lần lượt 44% và 0%). Các khách hàng khác có số dư dưới 12% tổng số dư nợ phải thu nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu của các khách hàng này là thấp.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Tất cả các tài sản tài chính của Tập đoàn đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

#### **3b. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối năm</b>			
Phải trả người bán	5.786.407.201	-	5.786.407.201
Vay và nợ	9.832.870.750	845.000.000	10.677.870.750
Các khoản phải trả khác	653.719.712	-	653.719.712
<b>Cộng</b>	<b>16.272.997.663</b>	<b>845.000.000</b>	<b>17.117.997.663</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Phải trả người bán	4.420.636.215	-	4.420.636.215
Vay và nợ	56.776.925.663	765.000.000	57.541.925.663
Các khoản phải trả khác	414.020.915	-	414.020.915
<b>Cộng</b>	<b>61.611.582.793</b>	<b>765.000.000</b>	<b>62.376.582.793</b>

Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

#### **3c. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ và rủi ro giá nguyên vật liệu.



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngõ Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 và ngày 31 tháng 3 năm 2018 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	<u>Số cuối năm (USD)</u>	<u>Số đầu năm (USD)</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	147.712,70	648.483,77
Phải thu khách hàng	272.300,00	289.900,00
Phải trả người bán	(27.462,50)	-
Vay và nợ	(406.487,50)	(2.480.472,05)
<b>Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ</b>	<b>(13.937,30)</b>	<b>(1.542.088,28)</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn là không đáng kể.

#### *Rủi ro về giá nguyên vật liệu*

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

### **3d. Tài sản đảm bảo**

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 và tại ngày 31 tháng 3 năm 2018.

## **4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

#### *Tài sản tài chính*

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.423.229.679	-	36.137.005.714	-
Phải thu khách hàng	26.156.940.876	-	24.749.068.496	-
Các khoản phải thu khác	87.447.962	-	263.938.293	-
<b>Cộng</b>	<b>39.667.618.517</b>	<b>-</b>	<b>61.150.012.503</b>	<b>-</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### *Nợ phải trả tài chính*

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người bán	5.786.407.201	4.420.636.215
Vay và nợ	10.677.870.750	57.541.925.663
Các khoản phải trả khác	653.719.712	414.020.915
<b>Cộng</b>	<b><u>17.117.997.663</u></b>	<b><u>62.376.582.793</u></b>

#### *Giá trị hợp lý*

Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

#### 5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lâm Đồng, ngày 27 tháng 5 năm 2019



Phan Anh Tú  
Người lập biểu



Phan Anh Tú  
Kế toán trưởng



Đỗ Thành Trung  
Tổng Giám đốc